

Bản án số: 24 /2024/HNGĐ- ST

Ngày: 15/7/2024

“V/v: Xác định mẹ cho con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Văn Hoàn
2. Bà Trần Thị Vân
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hoài – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Lê Phương – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở **Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 40/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024 Tranh chấp về “ Xác định mẹ cho con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXX ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1986;
Nơi cư trú: **Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Minh D, sinh năm 1982;
Nơi cư trú: **Tổ F, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

(Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- **Chị Nguyễn Thị D1**, sinh năm 1986;
Nơi cư trú: **Tổ F, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**
(Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

- **Cháu Hoàng Xuân P**, sinh ngày 26/11/2013;
Nơi cư trú: **Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xác định mẹ cho con và bản tự khai, lời khai

tại phiên tòa, chị **Đặng Thị H** trình bày:

Năm 2013 chị và anh **Hoàng Minh D** quen biết nhau, anh **D** có nói với chị là vợ chồng anh đã ly hôn. Trong thời gian quen biết do chị ở xa nên không tìm hiểu kỹ về bản thân anh **D** và gia đình anh **D**, trong một lần đi chơi chị và anh **D** có quan hệ tình dục với nhau dẫn đến chị có thai mà chị không biết, khi phát hiện có thai thì thai đã to nên chị không xử lý được. Ngày 26/11/2013 chị đi sinh con tại **Bệnh Viện A**, hôm đó anh **D** đi kê khai để cấp giấy chứng sinh cho con, anh **D** lấy Họ và tên người mẹ tên là **Nguyễn Thị D1** (là vợ của anh **D**).

Ngày 25/12/2013 anh **D** đi làm giấy khai sinh cho con, trong giấy khai sinh của con ghi tên người mẹ là **Nguyễn Thị D1** (vợ của anh **D**) chứ không phải tên chị là người sinh con. Việc anh **D** đi làm giấy khai sinh cho con không nói gì với chị nên chị không biết việc anh **D** kê khai tên người mẹ là **Nguyễn Thị D1**. Đến nay anh **D** vẫn chưa ly hôn chị **Nguyễn Thị D1** nhưng lại không đồng ý đi cải chính hộ tịch Giấy khai sinh của con để thay tên người mẹ **Nguyễn Thị D1** thành tên của chị trong giấy khai sinh của con. Bản thân chị hiện nay vẫn đang là người trực tiếp nuôi con **Hoàng Xuân P**, sinh ngày 26/11/2013 cư trú tại **Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** từ lúc sinh ra đến nay.

Nay chị khởi kiện anh **Hoàng Minh D** ra Tòa án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác định chị là mẹ đẻ của cháu **Hoàng Xuân P**, sinh ngày 26/11/2013 để chị làm các thủ tục hồ sơ pháp lý về sau này cho cháu **P**.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết vụ án, chị **H** yêu cầu Tòa án xác minh, thu tập tài liệu chứng cứ trung cầu giám định ghen của chị **Đặng Thị H** và cháu **Hoàng Xuân P** để xác định huyết thống mẹ - con.

Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định Trung cầu giám định số 01/2024/QĐ – TCGĐ Ngày 09 tháng 4 năm 2024 gửi Trung tâm phân tích AND và Công nghệ di truyền thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam kèm mẫu tóc để trung cầu giám định ghen của chị **Đặng Thị H** và cháu **Hoàng Xuân P**.

Ngày 16/4/2024 **Trung tâm P1** thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam gửi **Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** Kết quả xét nghiệm AND đã kết luận: Cháu **Hoàng Xuân P** là con của bà **Đặng Thị H**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn (anh **D**) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị **D1**) thông qua người thân có cùng nơi cư trú với anh **D**, chị **D1** (là ông **Hoàng Thanh B** - bố đẻ của anh **D**) để anh **D**, chị **D1** đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh **D** và chị **D1** đều không hợp tác giải quyết vụ án.

Ngày 8/4/2024 Tòa án xác minh tại Công an thị trấn T, huyện Đ kết quả như sau: Thời điểm năm 2012-2013 anh Hoàng Minh D và chị Nguyễn Thị D1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A nay là tổ F thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Theo ông Hoàng Thanh B là bố đẻ anh D cho biết: anh D và chị D1 sống chung với gia đình ông(ông B, bà H1) vợ chồng có trục trặc và ly hôn, chị D1 chuyển về phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên ở đến năm 2023 anh D và chị D1 lại đoàn tụ vợ chồng về chung sống với nhau để cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh D, chị D1 ở chung với vợ chồng ông, nay anh chị ấy đi làm thỉnh thoảng vợ chồng mới về, vẫn qua lại chăm sóc bố mẹ.

Ngày 15/4/2024 Tòa án lập biên bản làm việc với ông Hoàng Thanh B (là bố đẻ anh D) về quan hệ giữa anh D với chị H. Ông Hoàng Thanh B cung cấp thông tin như sau: Trước đây con trai ông là anh Hoàng Minh D(vợ là chị Nguyễn Thị D1) có quan hệ tình cảm với chị Đặng Thị H địa chỉ Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sau đó chị H sinh con với anh D hay không thì gia đình không nắm được. Khoảng thời gian năm 2012 – 2013 con dâu ông là chị Nguyễn Thị D1 không mang thai sinh con trong thời gian này. Ông xác định đưa con ghi trong Giấy khai sinh mang tên Hoàng Xuân P, sinh ngày 26/11/2013 không phải cháu nội của ông. Do anh D có quan hệ với chị H nên vợ chồng anh D, chị D1 mâu thuẫn và ly hôn, chị D1 trở về phường T, thành phố P ở. Năm 2023 vợ chồng anh D, chị D1 lại trở về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Vợ chồng anh D đã được biết về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc Xác định mẹ cho cháu P tuy nhiên anh D, chị D1 bận làm ăn, không có mặt ở nhà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tòa án giao các văn bản tố tụng cho anh D, chị D1 đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh D và chị D1 không có mặt tại nhà nên đã nhờ ông B nhận thay và cam kết giao cho anh D và chị D1, ông B xác định ông đã giao cho anh D, chị D1 nhưng anh D và chị D1 nhờ ông chuyển lời đến Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên như sau:

* Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Minh D và chị Nguyễn Thị D1 không tham giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, việc Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D, chị D1 là đúng quy định tại Điều 175, 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh D, chị D1

* Về nội dung: Căn cứ vào Bản kết luận giám định AND và Công nghệ di truyền thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam gửi Tòa án nhân

dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên Kết quả xét nghiệm AND đã kết luận: Cháu Hoàng Xuân P là con của bà Đặng Thị H. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Chị Đặng Thị H về việc xác nhận mẹ cho con, tuyên bố chị Đặng Thị H là mẹ đẻ của cháu Hoàng Xuân P, sinh ngày 26/11/2013.

* Về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện chịu chi phí giám định gen, không yêu cầu anh D trả lại nên không giải quyết.

* Về án phí: Anh Hoàng Minh D phải chịu phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

Chị Đặng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc xác nhận mẹ cho con, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về xác định mẹ cho con” quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và được quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn – Anh Hoàng Minh D và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chị Nguyễn Thị D1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Đ tổng đạt hợp lệ qua người thân, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 175, 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D và chị D1.

* Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H về việc “Xác định mẹ cho con”, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với ý kiến trình bày của Nguyên đơn(chị H) trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2013 chị Đặng Thị H và anh Hoàng Minh D quen biết nhau, có quan hệ tình dục với nhau và chị H mang thai.

Ngày 26/11/2013 chị H sinh con tại Bệnh Viện A, anh D kê khai để cấp giấy chứng sinh cho con thì anh D lấy họ và tên người vợ của anh D là chị Nguyễn Thị D1 làm tên người mẹ sinh ra cháu Hoàng Xuân P. Ngày 25/12/2013 anh Hoàng Minh D đi làm giấy khai sinh cho con, trong giấy khai sinh của con mang tên người mẹ tên là Nguyễn Thị D1(vợ của anh D) chứ không phải tên chị Đặng Thị H. Theo chị H khai chị không biết việc anh D kê khai tên người mẹ là Nguyễn Thị D1. Đến nay anh D vẫn chưa ly hôn chị Nguyễn Thị D1 nhưng lại không đồng ý đi cải chính hộ tịch thay tên người mẹ trong giấy khai sinh là

Nguyễn Thị D1 bằng tên của chị, bản thân chị hiện nay chị vẫn đang là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con **Hoàng Xuân P**, sinh ngày 26/11/2013 từ lúc sinh ra đến nay.

Việc anh **D** đi đăng ký khai sinh cho cháu **Hoàng Xuân P**, sinh ngày 26/11/2013 mang tên người mẹ là **Nguyễn Thị D1** mà không phải tên chị **Đặng Thị H** là người sinh ra cháu **P** là việc làm gian dối của anh **D** với cơ quan quản lý hộ tịch. **Bệnh Viện A** là cơ quan cấp giấy chứng sinh cho cháu **P**; **Ủy ban nhân dân thị trấn T** là cơ quan đăng ký hộ tịch, cấp giấy khai sinh ngày 25/12/2013 mang Họ và tên **Hoàng Xuân P** cần phải nghiêm khắc rút kinh nghiệm trong việc đối chiếu giấy tờ tùy thân của người đi sinh con và giấy tờ xác định người là cha, là mẹ đẻ trẻ chứ không phải chỉ ghi thông tin khai báo từ một bên là người cha hoặc người mẹ.

[2] Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã trưng cầu giám định gen của chị **Đặng Thị H** và cháu **Hoàng Xuân P** để xác định huyết thống mẹ - con. Căn cứ vào Bản kết luận giám định AND ngày 12/6/2024 của Trung tâm Công nghệ di truyền thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam gửi **Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** Kết quả xét nghiệm AND đã kết luận: Cháu **Hoàng Xuân P** là con của bà **Đặng Thị H** do đó có căn cứ để xác định chị **Đặng Thị H** là mẹ đẻ của cháu **Hoàng Xuân P**, sinh ngày 26/11/2013.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị **Đặng Thị H** tự nguyện chịu 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) chi phí giám định gen, chị không yêu cầu anh **D** phải trả lại chị.

[4] Về án phí : Anh **Hoàng Minh D** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 175, 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Điều 39 Bộ luật dân sự ;

- Điều 3, 6,7, 24, 25, 26, 27, 28, 30, 31 Luật hộ tịch;

- Điều 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị H** Về việc “ Xác định mẹ cho con”. Công nhận cháu **Hoàng Xuân P**, sinh ngày 26/11/2013 là con đẻ của chị **Đặng Thị H** theo bản kết luận giám định ADN ngày 12/6/2024 của Trung tâm Công nghệ di truyền thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã kết luận: Cháu **Hoàng Xuân P** là con của bà **Đặng Thị H**.

2. Quyền và nghĩa vụ giữa chị **Nguyễn Thị D1** với cháu Hoàng Xuân Phúc chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Chị **Đặng Thị H** có quyền thực hiện đăng ký cải chính hộ tịch Họ và tên người mẹ cho con **Hoàng Xuân P**, sinh ngày 26/11/2013 theo quy định của Luật hộ tịch.

4. Về án phí: Anh **Hoàng Minh D** phải chịu 300.000 đồng(Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị **Đặng Thị H** có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh **Hoàng Minh D** và chị **Nguyễn Thị D1** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- Các đương sự
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận HNGĐ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Hồng Thái